

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: / 2020/DS-ST

Ngày: - - 2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Đình Nam và ông Nguyễn Văn Chung**

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số... ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân D

Địa chỉ: Phố T, xã D, huyện T, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1978

Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1982

Đều trú tại: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Ngày 11 tháng 5 năm 2017 Quỹ tín dụng nhân dân D, huyện T, tỉnh T ký kết hợp đồng tín dụng số 1750/HĐTD với vợ chồng anh Lê Văn N và bà Bùi Thị T1, cho vợ chồng anh N vay với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 11/5/2017 đến ngày 11/5/2018

Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Lãi suất cho vay: 1,15%/ tháng.

Hình thức trả lãi: Trả lãi hàng tháng vào ngày vay.

Hình thức trả gốc: Trả dần trong kỳ hoặc trả hết một lần vay khi đến hạn.

Vợ chồng anh N đã nhận đủ số tiền vay.

Kể từ khi vay, vợ chồng anh N trả tiền lãi tương đối đầy đủ, khi đến thời hạn trả nợ gốc (ngày 11/5/2018), gia đình anh N không có tiền để trả theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy vợ chồng anh N làm đơn xin ra hạn hợp đồng, Quỹ tín dụng D đã ra hạn cho vợ chồng anh N thêm 06 tháng tiếp theo, trong thời gian ra hạn, vợ chồng anh N phải trả nợ lãi theo quy định trong hợp đồng và trả nợ gốc chia thành 03 phân kỳ, đến ngày 11/11/2018 phải trả xong khoản tiền gốc. Tuy nhiên đến nay vợ chồng anh N vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày **6/5/2020** vợ chồng anh N mới trả cho Quỹ tín dụng D được số tiền gốc 14.500.000đ và 5.170.000đ tiền lãi. Cụ thể quá trình trả nợ như sau:

- Lãi trong hạn

+ Từ ngày 11/05/2017 đến 11/05/2018 là 365 ngày x 30.000.000 x 1.15% = 4.197.000đ

+ Từ ngày 12/05/2018 đến 20/06/2018 là 40 ngày x 30.000.000 x 1.15% = 460.000đ

+ Từ ngày 21/06/2018 đến 27/07/2018 là 36 ngày x 27.000.000 x 1.15% = 373.000đ

+ Từ ngày 28/07/2018 đến ngày 11/11/2018 là 107 ngày x 26.000.000 x 1.15% = 1.006.000đ

Tổng lãi trong hạn phải trả: 6.036.000đ; Đã thanh toán 5.170.000đ; Còn nợ lại 866.000đ

- Lãi quá hạn :

+ Từ ngày 11/11/2018 đến 16/11/2018 là 5 ngày x 26.000.000 x 1.725% = 75.000đ

+ Từ ngày 17/11/2018 đến 24/01/2019 là 69 ngày x 22.500.000 x 1.725% = 892.000đ

+ Từ ngày 25/01/2019 đến ngày 16/04/2019 là 82 ngày x 20.500.000 x 1.725% = 966.000đ

+ Từ ngày 17/04/2019 đến ngày 05/09/2019 là 142 ngày x 18.500.000 x 1.725% = 1.510.000đ

+ Từ ngày 06/09/2019 đến ngày 07/02/2020 là 155 ngày x 16.500.000 x 1.725% = 1.470.000đ

+ Từ ngày 08/02/2020 đến ngày 17/06/2020 là 130 ngày x 15.500.000 x 1.725% = 1.157.000đ

Tổng nợ lãi quá hạn 6.070.000đ, hiện chưa thanh toán .

Như vậy tính đến ngày 17/06/2020 anh N, chị T1 còn nợ quỹ D là : 15.500.000đ tiền gốc và 6.936.000 đồng tiền lãi trong đó lãi trong hạn thiếu là 866.000đ và lãi quá hạn là 6.070.000đ

Do đó Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án huyện Triệu Sơn giải quyết buộc vợ chồng anh N, chị T1 phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền gốc và lãi như trên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng anh N còn phải chịu theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Bị đơn là anh Lê Văn N mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tổng đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để anh tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án, không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N trình bày tại bản tự khai như sau: Thừa nhận ngày 11 tháng 5 năm 2017 vợ chồng anh có ký kết hợp đồng tín dụng số 1750/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân D, huyện T, tỉnh T vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn và mức lãi suất vay như Quỹ tín dụng trình bày là hoàn toàn đúng.

Từ khi vay đến nay, vợ chồng anh mới thanh toán cho Quỹ tín dụng D số **tiền gốc 14.500.000đ và 5.170.000đ tiền lãi**. Số tiền nợ còn lại như Quỹ tín dụng trình bày là hoàn toàn đúng, anh không có thắc mắc gì. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc anh, chị phải trả nợ số tiền gốc **15.500.000đ và 6.936.000 tiền lãi** anh đồng ý, nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình rất là khó khăn không có khả năng hoàn trả trong một lần. Anh N có nguyện vọng đề nghị Quỹ tín dụng xem xét tạo điều kiện cho gia đình anh trả hàng tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào ngày đầu của tháng, cho đến khi trả xong khoản nợ gốc và lãi.

Đối với chị Bùi Thị T1 quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và lý do khách quan, nhưng chị không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân D khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” yêu cầu vợ chồng anh N, chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy căn cứ vào quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Văn N và chị Bùi Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng không đến Tòa án, không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân D thì thấy: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số tín dụng số 1750/HĐTD được ký kết ngày 11/5/2017 giữa Quỹ tín dụng và vợ chồng anh N là do các bên tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh N và chị T1 là người trực tiếp ký kết các hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân D, huyện T, tỉnh T và cũng là người trực tiếp nhận số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh N, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi, mặc dù đã được đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng anh, chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với Quỹ tín dụng. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, buộc vợ chồng anh N phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền gồm gốc và lãi **tạm tính đến ngày**là

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Vợ chồng anh N, chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân D, buộc vợ chồng anh N, chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã ký kết theo hợp đồng.

2. Buộc vợ chồng anh N, chị T1 phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Quỹ tín dụng số tiền cụ thể tạm tính tính đến ngày như sau:

Tiền gốc còn lại: 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng)

Tiền lãi qua hạn còn nợ lại: 1.843.000đ

Tổng cộng: 28.843.000đ (Hai mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng anh N còn phải chịu theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Vợ chồng anh N, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là
Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân D số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số

AA/2018/ 0003892 ngày 25/02/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 535.000 (năm trăm, ba lăm nghìn đồng)

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quỹ tín dụng nhân dân D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N, chị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Anh Trần Duy Năm

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơ
- Các đương sự
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

